TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – THANH HOÁ** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/DS- ST
Ngày: 25/8/2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Dung

2. Bà Lê Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Trường - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa không tham gia phiên toà.

Ngày 25/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2025/TLST - DS ngày 28 tháng 3 năm 2025 về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/QĐST – DS ngày 06/8/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đồng Văn C, sinh năm: 1984

Số CCCD: 038084046434, cấp ngày: 03/07/2024

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, tỉnh Thanh Hoá.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Văn T – sinh năm: 1974

Số CCCD: 038074018152, cấp ngày: 12/7/2021

2. Bà Nguyễn Thị S, Sinh năm: 1977

Số CCCD: 038177018776, cấp ngày: 12/7/2021

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã Q, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên tòa có mặt ông Đồng Văn C; Vắng mặt ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị S (Ông T và bà S vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Đồng Văn C trình bày:

Ngày 08/08/2021 ông Đồng Văn C có cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị S vay số tiền 420.000.000 đ (Bốn trăm hai mươi triệu đồng). Khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ là ngày 06/09/2021. Sau khi đến hẹn trả nợ ông C đã đòi nợ nhiều lần tuy nhiên đến nay ông T và bà S không trả cho ông C được đồng tiền nào kể cả tiền gốc và tiền lãi và cố tình không trả nợ cho ông. Đến nay ông Đồng Văn C yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thanh Hóa giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị S phải trả cho ông T bộ số tiền gốc đã vay là 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng) và số tiền lãi phát sinh tính từ ngày quá hạn là ngày 07/09/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, mức lãi suất là 0,8%/ 01 tháng.

Tại bản tự khai ngày 25/6/2025 bị đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 08/8/2021 vợ chồng ông T và bà S có vay của ông Đồng Văn C số tiền là 420.000.000 đồng lãi suất hai bên thoả thuận là 2.500 đồng / 1.000.000 đồng / 1 ngày. Thời hạn vay đến hết ngày 06/9/2021. Quá trình vay nợ vợ, chồng ông đã trả cho ông C 02 lần tiền, lần 1 trả số tiền 30.000.000 đồng tiền lãi, Lần 2 trả số tiền 31.360.000 đồng. Đến nay do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn ông T có nguyện vọng trả cho ông C mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của tòa án cho bà Nguyễn Thị S tuy nhiên bà S không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản ghi ý kiến nộp cho Tòa án.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình yêu cầu Toà án buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị S phải trả cho ông C toàn bộ số tiền gốc đã vay là 420.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh tính từ ngày quá hạn là ngày 07/09/2021 đến ngày xét xử với mức lãi suất là 0,8%/ 01 tháng. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử yêu cầu ông T và bà S phải tiếp tục trả tiền lãi cho đến khi thanh toán xong khoản nợ với mức lãi suất 0,8 % mỗi tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: ông Đồng Văn C với ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị S đang tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" do ông T và bà S vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là ông T và bà S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Thạch Quảng, tỉnh Thanh Hóa nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành nay là Toà án

nhân dân Khu vực 7 – Thanh Hoá. Ông T và bà S được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tòa án xét xử vắng mặt ông T và bà S.

[2]. Việc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị S vay của ông Đồng Văn C , tổng số tiền là 420.000.000đ (Bốn trăm hai mươi triệu đồng) được thể hiện trong giấy vay tiền mà ông Đồng Văn C giao nộp cho Tòa án. Trong giấy vay tiền ghi rõ số tiền vay, ngày vay tiền, ngày trả nợ, phương thức trả nợ và có chữ ký (ghi rõ họ tên) của người vay là ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị S. Ông Nguyễn Văn T cũng đã thừa nhận việc này. Như vậy HĐXX xét thấy hợp đồng vay tài sản giữa các bên đã được xác lập bằng văn bản, là hợp đồng hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu về trả nợ số tiền gốc: Trong giấy vay tiền hai bên thỏa thuận với nhau, thời hạn trả nợ của khoản vay là ngày 06/09/2021. Đến nay thời hạn trả nợ đã hết ông T và bà S chưa trả được cho ông Đồng Văn C đồng tiền nào, Ông C khởi kiện yêu cầu ông T và bà S phải trả số tiền gốc là 420.000.000đ. Ông T trình bày đã trả cho ông Đồng Văn C 02 lần tiền, Lần 1 trả tiền lãi số tiền 30.000.000 đồng và lần 2 trả số tiền 31.360.000 đồng, Tuy nhiên ông T và bà S không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc ông T, bà S đã trả nợ. Ông Đồng Văn C cũng không thừa nhận việc này. Do đó yêu cầu của ông C là phù hợp với thỏa thuận mà hai bên đã giao kết và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu về trả số tiền nợ gốc của ông Đồng Văn C. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị S phải có trách nhiệm trả cho ông Đồng Văn C số tiền gốc đã vay là 420.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi triệu đồng).

[4]. Về yêu cầu tính lãi suất: Tại giấy vay tiền không ghi lãi suất. Ông C trình bày khi vay tiền hai bên không thỏa thuận về lãi và yêu cầu ông T và bà S phải trả tiền lãi suất từ ngày quá hạn trả nợ vay theo thỏa đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 0,8 % / 01 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử yêu cầu tiếp tục trả tiền lãi với mức lãi suất 0,8% mỗi tháng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ. Ông Nguyễn Văn T trình bày hai bên thỏa thuận lãi suất là 2.500 đồng/ 1.000.000 đồng/ 1 ngày, tuy nhiên ông T và bà S không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh lời khai của mình. Hợp đồng vay tiền được xác lập thể hiện không có thỏa thuận về lãi suất. Do đó xác định đây là Hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi suất. Do đó yêu cầu của ông Đồng Văn C về việc buộc ông T và bà S phải trả tiền lãi suất từ ngày quá hạn đến ngày xét xử và yêu cầu buộc tiếp tục trả tiền lãi suất từ ngày tiếp theo ngày xét xử đến khi trả nợ xong với mức lãi suất 0,8 % một tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ để

chấp nhận toàn bộ yêu cầu này. Thời điểm tính tiền lãi được chấp nhận tính từ ngày quá hạn trả tiền nợ theo thỏa thuận là ngày 07/09/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/8/2025) là 47 tháng 18 ngày. Khoản tiền này bằng 420.000.000đ x 0,8 % x 47 tháng, 18 ngày = 159.936.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của ông Đồng Văn C được Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu về trả số tiền nợ gốc và tiền lãi suất nên bị đơn là ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị S phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định của pháp luật. Ông Đồng Văn C được hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 463; Khoản 1, khoản 4 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị S phải trả cho ông Đồng Văn C tổng số tiền 579.936.000 đồng (Năm trăm bảy mươi chín triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn đồng); trong đó: Tiền nợ gốc là 420.000.000 đồng; tiền lãi phải trả là 159.936.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 25/8/2025), Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị S phải tiếp tục trả tiền lãi trên số tiền gốc còn nợ với lãi suất là 0,8%/ 01 tháng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Về án phí: ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị S phải chịu 27.197.440 đồng (Hai mươi bảy triệu một trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm bốn mươi đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Đồng Văn C số tiền là 3.231.200 đồng (Ba triệu, hai trăm ba mươi mốt nghìn, hai trăm đồng) tiền tạm ứng án phí DSST mà ông C đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0003824 ngày 26/03/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa (Nay là Thi hành án Dân sự tỉnh Thanh Hóa)

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 7;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Lê Văn Hoàn **Lê Thị Tâm** **Bùi Văn Hải**